

Phụ lục 2:**Gói thầu số 3: Mua sắm vật tư y tế can thiệp mạch máu não - tim mạch, điều trị rối loạn nhịp***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Mã số đấu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	DSA01	Bộ Manifold 3 cổng	* Bộ kết nối Manifold làm bằng chất liệu Poly Carbonate : Áp lực cao lên tới 500 PSI , có 3 cổng. * 1 ống tiêm 12ml. * Dây áp lực dài 120 cm, chịu lực 500 PSI. * Hai dây truyền dịch.G13	Bộ	900	240.000	216.000.000
2	DSA02	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Cấu tạo gồm các thành phần sau : * Kim catheter chọc mạch cỡ 20G. * Mini guide wire nhỏ cỡ 0.025" x 45cm. * Bơm tiêm 2.5ml. * Introducer Sheath, Delator. Đặc điểm, hình dạng của Sheath: * Ôm khít Delator. * Van cầm máu hình chữ thập chống rỉ máu và cho phép các dụng cụ như catheter đi qua. * Đường kính: Cỡ 5F, 6F; Độ dài: 7cm. * Vật liệu: Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethelene). * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Bộ	900	550.000	495.000.000
3	DSA03	Dụng cụ thông tim và chụp buồng tim phải, trái.	* Cấu tạo: 2 lớp Polyurethane với lớp đan kép ở giữa. * Hình dáng của đầu tip: Judkin right, Judkin Left. * Kích thước: + Đường kính lòng ống: 5Fr. + Chiều dài \geq 100 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Cái	200	419.000	83.800.000
4	DSA04	Dây dẫn đường (guide wire)	* Lõi làm bằng thép không gỉ. * Có lớp phủ PTFE . * Đầu dây dạng chữ J: 1,5 mm; 3 mm; 6 mm; 15 mm. * Đủ các kích cỡ; Đường kính: 0,038 inch, 0,035 inch, 0,025 inch, 0,021 inch, 0,018 inch; Độ dài: 80cm, 150 cm, 180 cm và 260 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Cái	150	295.000	44.250.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
5	DSA05	Ống thông (Catheter) chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên	<ul style="list-style-type: none"> * Cấu tạo: 3 lớp: Lớp trong và lớp ngoài là Polyamide. Lớp giữa là lớp đan kép, thiết kế đặc biệt ở đoạn xa ống thông. * Hình dạng đầu kiểu phù hợp động mạch quay. Dây dẫn tương thích: 0,038". * Chịu áp lực tối đa 1200psi (8274kPa). * Kích thước: * Đường kính lòng ống: 4Fr (1.05 mm) hoặc 5Fr (1.2 mm). * Chiều dài \geq 100 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	900	657.300	591.570.000
6	DSA06	Kim chọc tĩnh mạch ngoại vi	<ul style="list-style-type: none"> * Cỡ 18G, 20G, lõi kép 2 nòng, kim nhựa lõi kim loại. . * Chất liệu ETFE. * Độ dài: 51mm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	800	11.000	8.800.000
7	DSA07	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi □	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu polythylene và Polypropylene. * Có valve ngăn chặn máu rò rỉ. * Đủ các cỡ; Đường kính: 4F, 5F, 6F, 7F, 8F; Độ dài: 11cm. * Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm. * Có khóa 3 ngã. * Có Guirewire kèm, làm bằng thép không rỉ có đầu cong hình J, đường kính 0,038inch; Độ dài: 50cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Bộ	50	430.000	21.500.000
8	DSA08	Bộ bơm bóng áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> * Dung tích: 20ml, Áp lực bơm \geq 30 atm. * Chất liệu Polycarbonate. * Dây áp lực cao kích thước 12 inch, chịu áp lực lên đến 1200 psi. * Bộ kết nối chữ Y, có áp lực lên đến 1200 psi. * Bộ bơm bóng gồm: kết nối chữ Y, khóa 3 chạc, dây mở rộng 25cm, dụng cụ chèn 21G, Torquer 0.014inch/0,035inch. 	Bộ	600	1.100.000	660.000.000
9	DSA09	Ống thông can thiệp siêu nhỏ (can thiệp tim mạch)	<ul style="list-style-type: none"> * Đoạn đầu mềm \leq 0.7 mm. * Sau đoạn đầu mềm là đoạn có lớp cuộn bằng vàng 0.7mm có đặc tính cản quang. * Đường kính ngoài đoạn xa: 1.8Fr (0.60mm). * Đường kính ngoài đoạn gần: 2.6Fr (0.87mm). * Chiều dài: 130 cm - 150 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	20	9.450.000	189.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
10	DSA10	Bộ hút huyết khối mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> * Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041", loại 7F là 0.053". * Chiều dài 145cm. Lớp phủ ái nước ở phần thân xa của catheter là 25cm. * Dây thăm dò cứng với cạnh xa tròn, dài 126.5 cm. Đường kính thân xa 1.7 mm (loại 6F), 1.98mm (loại 7F). Đường kính thân gần 1.3 mm (loại 6F), 1.6mm (loại 7F). * Một bộ gồm: 1 catheter hút huyết khối 6F hoặc 7F; 1 dây thăm dò cứng; 1 ống tiêm hút 60ml; 2 giỏ lọc; 1 dây nối van khóa vòi 1 hướng. 	Bộ	50	7.170.000	358.500.000
11	DSA11	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<ul style="list-style-type: none"> * Giá đỡ nong mạch vành chất liệu Cobalt Chromium. Lớp phủ polymê tự tiêu (PLLA) có tẩm thuốc Sirolimus. * Độ dày khung giá đỡ $\geq 65 \mu\text{m}$. * Đường kính: 2.25- 4.0 mm. * Chiều dài đủ các kích cỡ từ 8 - 38 mm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	200	38.800.000	7.760.000.000
12	DSA12	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<ul style="list-style-type: none"> * Giá đỡ nong mạch vành chất liệu Cobalt Chromium. Lớp phủ polyner hấp thụ sinh học (PLLA) có tẩm thuốc Sirolimus. * Độ dày khung giá đỡ $< 65 \mu\text{m}$. * Đường kính: 2.25- 4.0 mm. * Chiều dài đủ các kích cỡ từ 8 đến ít nhất 40 mm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	200	41.220.000	8.244.000.000
13	DSA13	Kim chọc dò □	<ul style="list-style-type: none"> * Kim chọc mạch quay, đùi. * Vật liệu làm bằng thép không gỉ. * Đường kính: 18G, 19G, 20G, 21G. * Chiều dài : 40mm,50mm,70mm,90mm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	100	58.000	5.800.000
14	DSA14	Bóng nong động mạch vành đàn hồi, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> * Khẩu kính đầu xa $\leq 0.41 \text{ mm}$. * Áp lực : 6 -14 atm. * Chất liệu: Polyamide resin có phủ lớp phủ ái nước. * Đường kính bóng: 1.5 - 3.0 mm; Chiều dài bóng : 10 -30 mm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	600	5.250.000	3.150.000.000
15	DSA15	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> * Khẩu kính đầu xa $\leq 0.43 \text{ mm}$. * Áp lực tham chiếu: 12atm; Áp lực tối đa $\geq 20 \text{ atm}$. * Chất liệu: Polyamide resin có phủ lớp phủ ái nước.. * Đường kính bóng: 2.0 - 4.5 mm; Chiều dài bóng: 6 - 20 mm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	600	5.250.000	3.150.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
16	DSA16	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Zotarolimus	<ul style="list-style-type: none"> * Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus. * Độ dày thanh strut < 100 µm. * Chất liệu lớp vỏ ngoài: Cobalt , lõi trong bằng chất liệu Platinum Iridium. * Đường kính 2.0-5.0 mm; chiều dài từ 8 - 38 mm. 	Cái	50	44.190.000	2.209.500.000
17	DSA17	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành phủ thuốc Everolimus	<ul style="list-style-type: none"> * Phủ thuốc Everolimus. * Khung được làm từ hợp kim Cobalt hoặc Platinum -Chromium, phủ lớp polymer tự tiêu. * Độ dày khung giá đỡ ≤ 85 µm. * Kích thước : đường kính 2.25 - 4.0 mm, chiều dài nhiều kích cỡ từ 8 đến 38 mm. * Stent có độ nở tối đa đến ≥ 1.0 mm so với đường kính ban đầu của stent; Thích hợp cho những sang thương có chênh lệch về đường kính đầu gần, đầu xa và thân chung động mạch vành trái. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	200	43.500.000	8.700.000.000
18	DSA18	Ống thông các loại, các cỡ (trợ giúp can thiệp)	<ul style="list-style-type: none"> * Độ cứng của ống giảm dần từ đoạn gần tới đầu tip. * Đầu tip tròn, cấu tạo bằng urethane. * Cấu trúc 3 đoạn uốn cong. * Tiết diện trong ống rộng 0.071 inch (size 6F), 0.081 inch (size 7F), 0.090 inch (size 8F). * Đầu tip nhiều hình dạng để lựa chọn JR, JL, AL, AR, PB, SPB, RB, IM, MP... * Chiều dài khả dụng ≥ 100cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	700	2.300.000	1.610.000.000
19	DSA19	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> * Dụng cụ gồm: <ul style="list-style-type: none"> * Một đầu tip, trục xa, trục bảo vệ gần được làm bằng dây thép. * Ống thông dài 145cm, bao lớp ái nước, đường kính trong 1.33mm, độ dài trục đoạn xa 25cm, đánh dấu tại vị trí 900mm và 1000mm so với đầu tip, phù hợp với ống thông can thiệp 6F. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	40	15.750.000	630.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
20	DSA20	Dây dẫn đường cho bóng và stent (trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính động mạch vành)	<ul style="list-style-type: none"> * Lớp phủ ngoài: hydrophilic, polymer. * Độ cân quang đầu tip dài: 3, 15, 16 cm. * Chiều dài: 190, 300, 330 cm. * Đầu tip dạng thẳng, đầu J, dạng uốn sẵn (Pre-shape) * Khả năng tải đầu tip: 0.6, 0.8, 1.0, 1.7, 3.0, 3.5, 4.5 g * Đường kính đầu tip: 0.009, 0.010, 0.011, 0.012, 0.014 inch * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	30	5.500.000	165.000.000
21	DSA21	Dụng cụ lấy dị vật trong lòng mạch máu não.	<ul style="list-style-type: none"> * Bắt và kéo dị vật mạch máu não ra ngoài. * Cấu trúc: Thân và họng bắt dị vật dạng thông lọng. * Đường kính vòng bắt dị vật: Từ 2mm đến 8mm. * Số vòng thông lọng: Từ 1 đến 4 vòng. * Tổng chiều dài \geq 165cm. * Tương thích đường kính vi ống thông \leq 0.030 inch. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	3	14.000.000	42.000.000
22	DSA22	Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não	<ul style="list-style-type: none"> * Bóng chẹn cổ túi phình mạch máu não cổ rộng. * Đường kính: Từ 2 mm đến 4 mm. * Chiều dài bóng Từ 10mm đến 30 mm * Bóng chèn tạm thời, để chặn vòng xoắn kim loại. * Bóng được thu lại và rút bỏ khi hoàn tất thả vòng xoắn kim loại. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	10	17.000.000	170.000.000
23	DSA23	Bóng nong mạch máu não, hệ thống đồng trục	<ul style="list-style-type: none"> * Bóng nong mạch máu não, dây dẫn đồng trục (over the wire balloon). * Đường kính bóng: 1,5mm - 3,5mm. * Chiều dài bóng: Từ 8mm đến 25 mm. * Chiều dài ống thông mang bóng \geq 150 cm * Có điểm tăng quang để dễ quan sát. * Tương thích dây dẫn 0.014 inch. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	20	22.000.000	440.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
24	DSA24	Bơm tiêm đầu xoáy	<ul style="list-style-type: none"> * Bơm tiêm đầu vặn, dùng trong can thiệp mạch máu. * Vật liệu làm bằng nhựa cứng trong suốt. * Bơm tiêm nhỏ gọn, theo mẫu bơm tiêm phổ thông, không sử dụng các vòng tròn để móc các ngón tay. * Bơm tiêm dày, không bị nứt hoặc phụt ngược ra sau bơm tiêm. * Đảm bảo đủ các kích cỡ thường sử dụng: 1ml, 3ml và 10ml * Đóng gói, vô khuẩn. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	1.900	53.000	100.700.000
25	DSA25	Mạch máu nhân tạo loại phân nhánh	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Polyester * Mạch máu nhân tạo phân nhánh dạng chữ Y, tráng collagen. * Kích cỡ: đường kính 16 x 8 mm, 18 x 9 mm. 	Cái	5	16.616.000	83.080.000
26	DSA26	Vi ống thông bơm keo sinh học, đầu tách rời, tự đứt.	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: Công nghệ Nitinol * Đường kính ngoài đầu xa: Từ 1.5F đến 1.7F * Đường kính trong ≥ 0.013 inch. * Tổng chiều dài ống thông ≥ 155 cm. * Chiều dài đoạn ống thông tự đứt: 1,5cm đến 3cm, có thể tự đứt rời sau khi bơm keo. * Tương thích với keo đông cứng chậm và keo đông cứng nhanh, cùng với các dung môi đi kèm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	10	19.800.000	198.000.000
27	DSA27	Vi ống thông siêu nhỏ 1.5F (can thiệp mạch não)	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: Công nghệ Nitinol * Đường kính trong ≥ 0.013 inch. * Đường kính ngoài đầu xa $\leq 1.5F$. * Chiều dài sử dụng > 160 cm. * Có điểm tăng quang để quan sát được đầu ống. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	40	10.000.000	400.000.000
28	DSA28	Giá đỡ (Stent) lấy huyết khối mạch não	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: Công nghệ Nitinol. * Đường kính stent: 3,5 mm hoặc 4mm. * Chiều dài stent: Từ 30 mm đến 40 mm * Cấu trúc kiểu stent tự bung: Dạng vòng tự bung hoặc dạng stent mở hoặc dạng phối hợp giữa mắc lưới đóng + mở. * Stent có điểm tăng quang ở đoạn gần, đoạn xa hoặc có thêm các điểm trên thân stent. * Tương thích với đường kính trong vi ống thông 0.021 inch. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	70	45.000.000	3.150.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
29	DSA29	Vi ống thông (dùng để thả stent lớn lấy huyết khối mạch cảnh - não)	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu: thép không gỉ. * Có điểm cân quang ở đầu ống. * Đường kính đầu xa ≤ 2.7 F. * Đường kính trong ≥ 0.027 inch. * Chiều dài vi ống thông ≥ 153 cm. * Thả được stent lấy huyết khối, có đường kính lên đến 6mm * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	20	8.500.000	170.000.000
30	DSA30	Dây bơm thuốc cân quang đường động mạch, áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> * Dây bơm thuốc cân quang chịu áp lực bơm: Từ 500-1200PSI * Chất liệu: polyurethane. * Chiều dài: Từ 60 cm đến 120 cm. * Đầu gắn với máy bơm thuốc: Đầu âm * Đầu gắn với ống thông: Đầu dương, có gai vặn. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	100	231.000	23.100.000
31	DSA31	Dù chống tắc mạch (dùng trong can thiệp mạch).	<ul style="list-style-type: none"> * Dù chắn huyết khối được sử dụng để đón và chắn huyết khối. * Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, không ảnh hưởng dòng chảy. * Đường kính lưới lọc từ 3 đến 7mm * Chiều dài dây đẩy lên đến 320 cm. * Miệng lưới lọc có 1 khung tròn, có tăng cân quang để dễ quan sát. * Tương thích với dây dẫn ≤ 0.014inch. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	6	26.000.000	156.000.000
32	DSA32	Giá đỡ (stent) mạch não đổi hướng dòng chảy	<ul style="list-style-type: none"> * Điều trị túi phình động mạch não lớn, cổ rộng hoặc khổng lồ. * Được bện dày các sợi, tạo các mắt lưới rất nhỏ, gây cản dòng chảy vào túi phình. * Đường kính từ 2.5 đến 6.0mm. * Chiều dài từ 10 đến 50 mm. * Có thể thu hồi stent khi đã bung đến 90%. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	2	220.000.000	440.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
33	DSA33	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	<ul style="list-style-type: none"> * Đường kính 5F đến 9F. * Dụng cụ mở đường: Nòng trong cứng dài khoảng 10 cm -20 cm, đồng bộ với dụng cụ mở đường ngắn. * Chiều dài dụng cụ đặt trong lòng mạch máu: Từ 7 cm đến 11cm. * Dụng cụ có van cầm máu, tự đóng lại cầm máu khi rút ống thông ra ngoài. * Có dây nối ba chạc để bơm thuốc cân quang. * Kim chọc mạch cỡ 18G * Kèm dây dẫn: đường kính 0.025 inch đến 0.038 inch và dài \geq 40 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Bộ	400	482.790	193.116.000
34	DSA34	Vi ống thông (dùng để thả stent nhỏ lấy huyết khối mạch não)	<ul style="list-style-type: none"> * Đường kính ngoài đầu xa \leq 2.4 F. * Đường kính trong \geq 0.021 inch. * Chiều dài vi ống thông \geq 153 cm. * Hai điểm cân quang ở đầu ống. * Thả được stent lấy huyết khối, đường kính stent lên đến 4 mm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	150	8.500.000	1.275.000.000
35	DSA35	Vi ống thông (thả vòng xoắn kim loại)	<ul style="list-style-type: none"> * Đường kính ngoài đầu xa: 1.7F hoặc 1.9F * Đường kính trong \geq 0.017 inch. * Tổng chiều dài: Từ 150cm đến 165cm * Hình dạng đầu ống thông: Thẳng hoặc cong 45 độ hoặc gập góc 90 độ. * Đầu ống thông uốn và nhớ hình dưới sức nóng của hơi nước sôi. * Có 2 điểm tăng quang ở đầu ống, cách nhau 3cm, để hỗ trợ thả và cắt vòng xoắn. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	50	10.000.000	500.000.000
36	DSA36	Hạt tắc mạch	<ul style="list-style-type: none"> * Hạt nhựa PVA hoặc hạt vi cầu gây thuyên tắc mạch máu * Kích thước hạt từ 45 đến 500 μm. Có nhiều kích cỡ để chọn lựa phù hợp với thương tổn. * Hạt được pha với thuốc cân quang. Bơm qua ống thông để làm tắc mạch máu. * Hạt khô hoặc được bảo quản bằng lọ dung dịch 1ml. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Lọ	30	2.080.000	62.400.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
37	DSA37	Dây dẫn can thiệp tim	<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính: 0.014 inch/0.36mm. - Chiều dài dây dẫn: 180 cm. - Chiều dài phần đầu cán quang: 3 cm. * Vật liệu phần lõi: Nickel - Titanium hoặc elastin Nitinol. - Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	700	2.400.000	1.680.000.000
38	DSA38	Vật liệu tắc mạch dạng lỏng, đông cứng chậm.	<ul style="list-style-type: none"> * Là keo sinh học, nút mạch trong tổn thương dị dạng động tĩnh mạch. * Lọ chứa từ 1-2 ml * Thời gian đông cứng > 15 phút. * Bao gồm dung môi để hỗ trợ bơm keo * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Lọ	5	17.500.000	87.500.000
39	DSA39	Vật liệu nút mạch lỏng, dạng đông cứng nhanh	<ul style="list-style-type: none"> * Là keo sinh học, nút mạch. * Pha với dung dịch dầu Lipiodol, đông cứng nhanh khi gặp máu. * Chất chống dính là dung dịch dạng Glucose. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Ống	150	249.900	37.485.000
40	DSA40	Dây dẫn đường cho ống thông 150cm	<ul style="list-style-type: none"> * Lõi là vật liệu Nitinol và hợp kim đàn hồi. * Lớp ngoài là Polyurethane, cản quang mạnh. * Lớp ngoài được phủ ái nước. * Hình dạng đầu dây dẫn cong 45 độ hoặc hình chữ J. * Chiều dài của phần đầu mềm, linh hoạt: Từ 3cm đến 8cm * Đường kính: 0.035 inch * Dây dẫn dài 150 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	950	495.000	470.250.000
41	DSA41	Dây dẫn đường cho ống thông.	<ul style="list-style-type: none"> * Lõi là vật liệu Nitinol và hợp kim đàn hồi. * Lớp ngoài là Polyurethane, cản quang mạnh. * Lớp ngoài được phủ ái nước. * Hình dạng đầu dây dẫn cong 45 độ hoặc hình chữ J. * Chiều dài của phần đầu mềm, linh hoạt: Từ 3cm đến 8cm * Đường kính: 0.035 inch * Dây dẫn dài: Dài 260 cm đến 300 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	150	588.000	88.200.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
42	DSA42	Mạch máu nhân tạo thẳng, có vòng xoắn.	<ul style="list-style-type: none"> * Mạch máu nhân tạo thẳng thay thế các mạch máu bị hư hại, các mạch máu bị tắc nghẽn hoặc bắc cầu nối động tĩnh mạch * Chất liệu: Polytetrafluoroethylene dạng bột (ePTFE), vòng xoắn ngoài toàn phần chất liệu bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) * Kích thước: dài 80cm, đường kính 6mm-8mm, dày thành mạch 0,63mm * Sức chịu kéo chỉ khâu tối thiểu 300 grams. * Sức chịu nén trung bình tối thiểu: 218 +/- 31 psi * Tiệt khuẩn * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA) 	Cái	10	18.000.000	180.000.000
43	DSA43	Bóng nong động mạch cảnh ngoài sọ và mạch máu ngoại biên	<ul style="list-style-type: none"> * Nong động mạch cảnh đoạn ngoài sọ và các mạch máu ngoại biên. * Hệ thống dây dẫn đồng trục (over the wire balloon) hoặc hệ thống đồng trục bán phần (monorail balloon) * Áp lực thường 12 atm. Áp lực vỡ bóng ≥ 22 atm. * Đường kính bóng: Từ 2mm đến 6mm. * Chiều dài bóng: Từ 15mm đến 60 mm * Tổng chiều dài ống thông mang bóng ≥ 150cm. * Tương thích dây dẫn 0.014 inch. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	30	8.400.000	252.000.000
44	DSA44	Ống thông chụp mạch não.	<ul style="list-style-type: none"> * Ống thông chẩn đoán mạch não: đầu ống mềm, không gắn nhựa cứng, đầu ống cùng chất liệu và liền với thân ống thông (liền khối) * Cấu trúc 3 lớp: lớp giữa là kim loại không gỉ và lớp ngoài ái nước. * Đường kính ngoài ống thông: 5F * Đường kính trong $\geq 1,1$ mm, cho phép dây dẫn tối đa lên 0.038 inch. * Chiều dài ống thông từ 100 - 125cm * Chịu được áp lực 1000 psi * Đầu ống có ≥ 4 loại hình dạng thường sử dụng. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	250	945.000	236.250.000
45	DSA45	Ống thông hút huyết khối mạch máu não.	<ul style="list-style-type: none"> * Ống thông sử dụng hút huyết khối. * Chất liệu: Công nghệ Nitinol * Đường kính ngoài: 6F. Đầu mềm. * Đường kính trong ≥ 0.070 inch. * Chiều dài sử dụng ống thông: Từ 125 cm đến 135 cm. * Đi trong ống thông can thiệp 8F. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	150	35.700.000	5.355.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
46	DSA46	Ống thông can thiệp mạch não, đầu mềm, kích cỡ nhỏ.	<ul style="list-style-type: none"> * Ống thông sử dụng trong can thiệp mạch máu não. * Đường kính ngoài, đầu gần: 6F * Đường kính ngoài, đầu xa: Từ 4.9F đến 6F, đầu mềm, đi trong dụng cụ mở đường 6F. * Đường kính trong ≥ 0.070 inch. * Chiều dài sử dụng ống thông: Từ 90 cm đến 115 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	40	10.300.000	412.000.000
47	DSA47	Ống thông can thiệp mạch, kích cỡ lớn.	<ul style="list-style-type: none"> * Ống thông sử dụng trong can thiệp mạch máu não. * Đường kính ngoài, đầu gần: 8F, đi trong dụng cụ mở đường 8F. * Đường kính trong > 0.087 inch. * Chiều dài sử dụng ống thông: Từ 80 cm đến 105 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	120	8.400.000	1.008.000.000
48	DSA48	Giá đỡ (Stent) đường mật qua da tự bung	<ul style="list-style-type: none"> * Stent không phủ bọc dùng trong can thiệp mở thông đường mật. * Chất liệu Stent nitinol. * Đường kính Stent: 8, 10, 12 mm. * Chiều dài Stent: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 cm, Chiều dài hệ thống bung Stent: 500mm. Kích cỡ 8Fr 5 * Có thông lọng gắn sẵn để thu hồi Stent khi cần thiết 	Cái	3	18.700.000	56.100.000
49	DSA49	Giá đỡ (Stent) động mạch cảnh.	<ul style="list-style-type: none"> * Stent mạch cảnh tự bung. * Đầu gần và xa của stent có các điểm cản quang. * Đường kính stent từ 6 mm đến 10 mm. * Chiều dài stent từ 20 mm đến 60mm, * Chiều dài catheter mang stent ≥ 135cm * Tương thích với vi dây dẫn 0.014 inch và ống thông can thiệp 6F * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	15	26.500.000	397.500.000
50	DSA50	Giá đỡ (Stent) nội mạch dùng che cổ túi phình	<ul style="list-style-type: none"> * Stent mềm, tự bung, mắc lưới thưa, dùng để chặn vòng xoắn kim loại. * Đường kính stent: Từ 3,5 đến 6mm. * Chiều dài stent ≥ 20 mm * Stent tự bung rời hoặc loại stent được cắt bằng điện. * Stent được đặt lại vĩnh viễn sau khi hoàn thành việc thả vòng xoắn kim loại. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	10	45.000.000	450.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
51	DSA51	Giá đỡ (Stent) mạch máu não, đoạn nội sọ. điều trị hẹp động mạch.	<ul style="list-style-type: none"> * Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ * Chất liệu: Công nghệ Nitinol. * Đường kính: Từ 3mm đến 5mm * Chiều dài stent lên đến 30mm. * Tổng chiều dài khả dụng ≥ 150cm. * Tương thích với lòng ống thông 0.0165 inch. * Có thể thu hồi sau khi thả $\leq 90\%$ chiều dài stent. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	6	71.500.000	429.000.000
52	DSA52	Van cầm máu chữ Y loại bắm.	<ul style="list-style-type: none"> * Van cầm máu chữ Y dạng bắm, lò xo tụ bung lên, không sử dụng khóa cài. * Chất liệu: bằng nhựa cứng có van. * Kích thước: Dài 3cm -10cm * Đường kính trong tương thích ống thông 9F * Van có 2 đầu: 1 đầu có gai vặn kết nối với ống thông và đầu còn lại có van cầm máu cho phép các dụng cụ đi vào - ra. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Bộ	120	176.000	21.120.000
53	DSA53	Vi dây dẫn mạch não, siêu nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> * Vi dây dẫn can thiệp mạch não ái nước. * Chất liệu: Công nghệ Nitinol * Đường kính đầu xa vi dây dẫn: 0.007 inch hoặc 0.008 inch * Chiều dài ≥ 200 cm * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	30	5.200.000	156.000.000
54	DSA54	Vi dây dẫn đường kính 0.014 inch (can thiệp mạch máu não)	<ul style="list-style-type: none"> * Vi dây dẫn can thiệp mạch não, ái nước. * Chất liệu: Công nghệ Nitinol. * Đường kính đầu gần: 0.014 inch. * Đường kính đầu xa: 0.014 inch hoặc 0.012 inch. * Vi dây dẫn dài: Từ 200cm đến 220 cm. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	300	6.000.000	1.800.000.000
55	DSA55	Vi ống thông kích cỡ lớn (can thiệp mạch máu tạng)	<ul style="list-style-type: none"> * Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng * Đường kính ngoài: Từ 2.5F đến 2.7F. * Đường kính trong ≥ 0.025 inch. * Chiều dài khả dụng vi ống thông: Từ 105 cm đến 150 cm * Có kèm vi dây dẫn tương thích. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Bộ	50	10.000.000	500.000.000
56	DSA56	Vi ống thông nhỏ (can thiệp mạch Não - Tạng)	<ul style="list-style-type: none"> * Vi ống thông có phủ Hydrophilic. * Đường kính ngoài đầu xa < 2.0 F. * Đường kính trong ≥ 0.018 inch. * Chiều dài khả dụng: Từ 105cm đến 160cm. * Áp lực bơm lên tới 1000 psi. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	100	9.000.000	900.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
57	DSA57	Vòng xoắn kim loại, nút túi phình mạch não.	<ul style="list-style-type: none"> * Vòng xoắn kim loại nút túi phình mạch não. * Chất liệu platinum * Sợi kim loại nhỏ, có đường kính 0.0108 inch đến 0.0135 inch * Chiều dài cuộn kim loại: Từ 2 cm đến 25 cm * Vòng xoắn có các loại 3D, 2D. Vòng xoắn 3D có tác dụng tạo khung túi phình. * Đường kính vòng xoắn kim loại từ 1,5 mm đến 8mm * Có kèm hoặc hỗ trợ thiết bị cắt vòng xoắn kim tương thích. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Cái	50	13.500.000	675.000.000
58	DSA58	Bộ băng áo (dùng can thiệp mạch)	<p>Bao gồm các thành phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Khăn trải bàn dụng cụ . * Khăn chụp mạch vành, Bao chụp đầu đèn MS. * Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng, Tấm phủ chắn chì. * Bao kính chắn chì. 	Bộ	1.250	261.450	326.812.500
59	DSA59	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng đáp ứng tần số(cho phép chụp MRI toàn thân).	<p>Cấu hình cho mỗi bộ gồm: 01 máy tạo nhịp, 01 dây điện cực, 01 kim chọc mạch.</p> <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bộ máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng tâm số, cho phép chụp MRI toàn thân 1,5 Tesla và 3 Tesla. * Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây. * Có giấy cam kết cung cấp máy lập trình tương ứng cấu hình máy; có kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời trong và sau khi đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn cho bệnh nhân. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Bộ	5	50.000.000	250.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
60	DSA60	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng không đáp ứng tần số (tương thích MRI, với thời gian hoạt động dài).	<p>Cấu hình cho mỗi bộ gồm: 01 máy tạo nhịp, 01 dây điện cực, 01 kim chọc mạch.</p> <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bộ máy tạo nhịp 1 buồng không đáp ứng tần số, tương thích MRI 1.5 Tesla toàn thân. * Kích thước độ dày ≤ 7 mm. * Dây điện cực có lớp phủ fractal Iridium (hoặc chất tương đương) giúp đạt ngưỡng tạo nhịp thấp, và có khả năng điều chỉnh tự động biên độ xung. * Có giấy cam kết cung cấp máy lập trình tương ứng cấu hình máy; có kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời trong và sau khi đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn cho bệnh nhân. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Bộ	12	44.000.000	528.000.000
61	DSA61	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, (cho phép chụp MRI toàn thân có chương trình chụp MRI tự động).	<p>Cấu hình cho mỗi bộ gồm: 01 máy tạo nhịp, 01 dây điện cực, 01 kim chọc mạch.</p> <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, tương thích MRI 1.5 và 3 Tesla; phát hiện tự động từ trường MRI. * Kích thước độ dày ≤ 7 mm. * Kết nối không dây với máy lập trình có sẵn chương trình theo dõi từ nhà. * Dây điện cực có lớp phủ fractal Iridium (hoặc chất tương đương) giúp đạt ngưỡng tạo nhịp thấp, và có khả năng điều chỉnh tự động biên độ xung. * Có giấy cam kết cung cấp máy lập trình tương ứng cấu hình máy; có kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời trong và sau khi đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn cho bệnh nhân. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA) 	Bộ	5	61.550.000	307.750.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
62	DSA62	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân (có chương trình chụp MRI tự động).	<p>Cấu hình cho mỗi bộ gồm: 01 máy tạo nhịp, 02 dây điện cực, 02 kim chọc mạch</p> <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, tương thích MRI 1.5 và 3 Tesla toàn thân, với phát hiện tự động từ trường MRI. * Kích thước độ dày ≤ 7 mm. * Kết nối không dây. * Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất. * Dây điện cực có lớp phủ fractal Iridium (hoặc chất tương đương) giúp đạt ngưỡng tạo nhịp thấp, và có khả năng điều chỉnh tự động biên độ xung. * Có giấy cam kết cung cấp máy lập trình tương ứng cấu hình máy; có kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời trong và sau khi đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn cho bệnh nhân. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA) 	Bộ	5	107.500.000	537.500.000
63	DSA63	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng không đáp ứng tần số (cho phép chụp MRI toàn thân)	<p>Cấu hình cho mỗi bộ gồm: 01 máy tạo nhịp, 02 dây điện cực, 02 kim chọc mạch.</p> <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bộ máy tạo nhịp 2 buồng không đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân 1,5 Tesla và 3 Tesla. * Tự động theo dõi và điều chỉnh: ngưỡng nhận cảm, trở kháng dây, cực tính của dây. * Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất. * Có giấy cam kết cung cấp máy lập trình tương ứng cấu hình máy; có kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời trong và sau khi đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn cho bệnh nhân. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA). 	Bộ	4	85.000.000	340.000.000

STT	Mã số đầu thầu	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (đồng)	Thành tiền (đồng)
64	DSA64	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, (cho phép chụp MRI toàn thân, với thời gian hoạt động dài).	<p>Cấu hình cho mỗi bộ gồm: 01 máy tạo nhịp, 02 dây điện cực, 02 kim chọc mạch.</p> <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số, tương thích MRI 1.5 Tesla. * Kích thước độ dày ≤ 7 mm. * Có tính năng giảm tối đa các tạo nhịp không cần thiết của máy ở tâm thất. * Dây điện cực có lớp phủ fractal Iridium (hoặc chất tương đương) giúp đạt ngưỡng tạo nhịp thấp, và có khả năng điều chỉnh tự động biên độ xung. * Có giấy cam kết cung cấp máy lập trình tương ứng cấu hình máy; có kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời trong và sau khi đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn cho bệnh nhân. *Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA) 	Bộ	25	91.700.000	2.292.500.000
Danh mục gồm 64 mặt hàng.						Tổng giá trị:	65.470.083.500